TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHỢ GẠO
TỈNH TIỀN GIANG

Bản án số: 66/2019/DS - ST
Ngày: 09/4/2019
V/v "Tranh chấp đòi lại tài sản"

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ GẠO, TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Phan Thanh Bình.**

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông **Nguyễn Hoa Kiều**.

Ông **Nguyễn Trung Trực**.

- Thư ký phiên tòa: Bà **Nguyễn Dương Kim Cương** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Gạo không tham gia phiên toà.

Ngày 9 tháng 4 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 494/2018/TLST-DS ngày 11 tháng 12 năm 2018 về tranh chấp "Đòi lại tài sản"

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 19/2019/QĐXXST-DS ngày 04 tháng 3 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 20/2019/QĐST-DS ngày 20 tháng 3 năm 2019, giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: **Huỳnh Thanh H**, sinh năm 1977.

Trú tại: số 22, đường Võ Tánh, phường 1, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang.

Đại diện ủy quyền: Trần Văn T, sinh năm 1965

Cư trú: ấp Mỹ Thọ, xã Mỹ Tịnh An, huyện Chợ Gạo, Tiền Giang (Theo văn bản ủy quyền ngày 03/01/2018)

* Bị đơn: **Trần Thị N**, sinh năm 1962.

Trú tại: ấp Tân Hòa, xã Xuân Đông, huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang.

(Anh T có mặt, chị N vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* *Đại diện ủy quyền nguyên đơn anh Trần Văn T trình bày:*

Ngày 17/12/2010, chị Trần Thị N có vay anh H số tiền 20.000.000đồng, với lãi suất thỏa thuận 1%/tháng. Thời gian vay là 06 tháng và chị N có thế chấp một giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên Trần Thị N với diện tích

1.168m^2, thửa đất số 95, tờ bản đồ số 01, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00592 do Uỷ ban nhân dân huyện Chợ Gạo cấp ngày 03/7/1997.

Sau khi vay, chị N có trả cho anh H được hai tháng tiền lãi với số tiền 200.000đồng, sau đó không trả lãi nữa mà hẹn lần hẹn lựa cho đến nay, hiện chị N chưa trả được khoản tiền vốn nào.

Nay, đã quá thời hạn trả nợ, vi phạm hợp đồng, anh H yêu cầu chị N trả số tiền 20.000.000đồng, không yêu cầu tính lãi, không yêu cầu xử lý tài sản thế chấp. Anh H sẽ tự nguyện trả lại cho chị N giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nêu trên, thời hạn trả nợ và trả lại giấy làm một lần khi án có hiệu lực pháp luật.

* Bị đơn chị Trần Thị N vắng mặt, mặc dù được Tòa án tống đạt hợp lệ giấy triệu tập, thông báo thụ lý vụ án, các thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt không lý do và cũng không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của anh H.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Qua nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bị đơn chị Trần Thị N đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với chị N.

[2] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Quan hệ tranh chấp giữa anh Huỳnh Thanh H và chị Trần Thị N là tranh chấp đòi lại tài sản và hợp đồng thế chấp tài sản được quy định tại khoản 2, 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, đại diện ủy quyền nguyên đơn yêu cầu chị Trần thị N trả số tiền 20.000.000đồng, thời gian trả làm một lần khi án có hiệu lực pháp luật, không yêu cầu tính lãi, không yêu cầu xử lý tài sản thế chấp, với chứng cứ là hợp đồng có thế chấp thể hiện chị N vay số tiền 20.000.000đồng và có thế chấp một giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên Trần Thị N với diện tích 1.168m^2, số thửa đất 95, tờ bản đồ số 01 do chị Trần Thị N điểm chỉ và ghi rõ họ tên nhưng do quá thời hiệu khởi kiện theo quy định tại Điều 429 Bộ luật dân sự nên yêu cầu của nguyên đơn đòi chị N trả số tiền vốn 20.000.000đồng là hoàn toàn có căn cứ. Chị N vắng mặt xem như từ bỏ quyền chứng minh của mình đối với số tiền mà nguyên đơn yêu cầu.

Do đó, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở xác định chị N nợ anh H số tiền 20.000.000đồng và chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh H, buộc chị N có nghĩa vụ trả cho anh H số tiền 20.000.000 đồng khi án có hiệu lực pháp luật phù hợp với Điều 166 Bộ luật dân sự. Đồng thời, Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện

của anh H trả lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên Trần Thị N cho chị N được thực hiện cùng lúc với nghĩa vụ trả nợ.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên chị Nga phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Điều 26, Điều 35, Điều 39; điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Áp dụng Điều Điều 166, Điều 357 Bộ luật dân sự 2015;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

<u>Xử:</u> Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Huỳnh Thanh H

Buộc chị Trần Thị N có nghĩa vụ trả cho anh Huỳnh Thanh H số tiền 20.000.000 đồng *(Hai mươi triệu đồng)*. Thời gian trả ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

Ghi nhận sự tự nguyện của anh Huỳnh Thanh H trả lại cho chị Trần Thị N một giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00592/Q1.QSDĐ/1397/QĐUB do Uỷ ban nhân dân huyện Chợ Gạo cấp ngày 03/7/1997 do chị Trần Thị N đứng tên. Thời gian trả cùng lúc với thời gian trả nợ.

Trường hợp chị N chậm trả số tiền nêu trên thì còn phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả với lãi suất theo thỏa thuận của các bên nhưng không vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự; nếu không thỏa thuận thì thực hiện theo khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

*** Về án phí dân sự sơ thẩm:**

+ Chị Trần Thị N phải chịu số tiền 1.000.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

+ Hoàn lại cho anh Huỳnh Thanh H số tiền tạm ứng án phí mà anh đã nộp là 500.000đồng theo biên lai thu số 0015443 ngày 11/12/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện A.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án các đương sự có quyền kháng cáo yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử theo trình tự phúc thẩm, đối với chị Nga kháng cáo tính từ ngày tống đạt hoặc niêm yết bản án hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành hoặc

bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án Dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự./

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện Chợ Gạo;
- Chi cục THADS huyện Chợ Gạo;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ.

Phan Thanh Bình

Về nội dung: Tại phiên tòa, chị Huyền xin ly hôn, nguyên nhân do anh Tiến có nhiều bất đồng trong cuộc sống vợ chồng, anh Tiến bảo chị nghỉ việc ở Sài Gòn về quê bên nhà của anh Tiến để làm, anh Tiến bỏ chị ra ngoài sống riêng 02 lần, không cần sự đồng ý của chị. Ngoài ra, chị và anh Tiến hay cải vả, gây gỗ về vấn đề tiền bạc. Từ tháng 10/2016 đến nay anh Tiến đã bỏ chị về sống với cha mẹ anh, không còn quan tâm gì đến chị nữa nên anh chị đã ly thân từ tháng 10/2016 đến nay. Nay, chị xác định mâu thuẫn vợ chồng đã rất trầm trọng, chị và anh Tiến không còn tình cảm với nhau, đời sống chung không thể kéo dài và mục đích hôn nhân không đạt được nên chị yêu cầu ly hôn với anh Tiến. Tại biên bản hòa giải và tại phiên tòa, anh Tiến thừa nhận mâu thuẫn chị Huyền trình bày là có nhưng do vợ cố chấp, vợ tự động bắt con đi mà không hỏi ý kiến của ai, anh bỏ đi 03 lần là để vợ nhận ra cái sai của mình.

Xét thấy mâu thuẫn ban đầu không lớn nhưng anh chị không khắc phục được để kéo dài làm ảnh hưởng đến hạnh phúc vợ chồng dẫn đến mâu thuẫn trầm trọng, không thể hàn gắn được nên anh chị đã ly thân từ tháng 10/2016 đến nay, anh Tiến thừa nhận những mâu thuẫn mà chị Huyền trình bày là có nhưng anh không có biện pháp hàn gắn tình cảm, trong thời gian ly thân cũng như trong thời gian Tòa án hòa giải đoàn tụ, anh cũng không chủ động hàn gắn với chị Huyền. Hơn nữa, trong thời gian chuẩn bị xét xử, Tòa án đã tiến hành hòa giải đoàn tụ cũng không có kết quả. Anh Tiến không đồng ý ly hôn, anh đưa ra

thời gian để hàn gắn đến cuối năm 2017 nhưng với điều kiện chị Huyền thay đổi thì anh sẽ thay đổi. Lời trình bày nêu trên cho thấy anh Tiến cho thấy anh không còn tha thiết gì đến tình cảm vợ chồng cũng như hạnh phúc gia đình. Xét thấy, mâu thuẫn giữa anh chị đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị Huyền yêu cầu ly hôn với anh Tiến là hoàn toàn có căn cứ cần được chấp nhận phù hợp với Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình Việt Nam.

Về con chung: Anh chị có 01 con chung tên Đinh Ngọc Quỳnh Chi, sinh ngày 18/3/2015 hiện đang sống với anh Tiến, ông Tửu, bà Nga. Ly hôn, chị Huyền yêu cầu được nuôi dưỡng cháu Chi; không yêu cầu anh Tiến cấp dưỡng nuôi con. Anh Tiến cũng yêu cầu được nuôi cháu Chi; không yêu cầu chị Huyền cấp dưỡng nuôi con. Xét yêu cầu được nuôi con của chị Huyền là có cơ sở bởi cháu Quỳnh Chi, sinh ngày 18/3/2015 đến nay cháu mới hơn 02 tuổi, theo quy định tại khoản 3 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình quy định: *"Con dưới 36 tháng tuổi được giao cho mẹ trực tiếp nuôi, trừ trường hợp người mẹ không đủ điều kiện để trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con hoặc cha mẹ có thỏa thuận khác phù hợp với lợi ích của con*". Mặc khác, Hội đồng xét xử cũng xem xét đến điều kiện trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Chi của anh chị cũng như có xem xét đến hoàn cảnh, môi trường sống của cháu Chi để xét yêu cầu nuôi con của anh Tiến, chị Huyền. Từ nhận định nêu trên, cần giao cháu Quỳnh Chi cho chị Huyền nuôi dưỡng là phù hợp với Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình Việt Nam.

Tuy nhiên, cháu Quỳnh Chi hiện đang sống với anh Tiến, vì công việc nên ông Đinh Văn Tửu và bà Nguyễn Thị Nga là ông bà nội của cháu trực tiếp nuôi dưỡng. Do cháu Quỳnh Chi được giao cho chị Huyền nuôi dưỡng nên Hội đồng xét xử cần buộc anh Tiến, ông Tửu, bà Nga giao cháu Quỳnh Chi cho chị Huyền trực tiếp nuôi dưỡng, giao ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

Về cấp dưỡng nuôi con, do chị Huyền không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn trình bày, anh Tiến thừa nhận những mâu thuẫn mà chị Huyền trình bày, anh xin đến cuối năm 2017 sẽ đoàn tụ nhưng chị Huyền cũng phải sửa đổi thì anh sẽ sửa đổi để hàn gắn như vậy, anh Tiến không có thiện chí trong việc vợ chồng đoàn tụ. Xét thấy, mâu thuẫn đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Huyền. Về con chung, chị Huyền tha thiết được nuôi dưỡng cháu Quỳnh Chi, chị có đủ điều kiện để được nuôi cháu Chi tốt nhất, hiện chị đang công tác tại Chi cục thuế quận 10 Thành phố Hồ Chí Minh, có thu nhập và nơi ở ổn định, hơn nữa cháu Quỳnh Chi, sinh ngày 18/3/2015 hơn 02 tuổi được giao cho mẹ trực tiếp nuôi dưỡng theo quy định tại Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị Huyền được nuôi dưỡng cháu Quỳnh Chi, không yêu cầu anh Tiến cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: chị Huyền, anh Tiến khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về án phí: Chị Huyền phải chịu án phí theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

- Áp dụng các Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: ***Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị Thu Huyền.***

- ***Về tình cảm*:** Cho chị Nguyễn Thị Thu Huyền được ly hôn với anh Đinh Nguyễn Nhật Tiến.

- ***Về con chung:*** Giao cho chị Nguyễn Thị Thu Huyền được nuôi dưỡng con chung tên Đinh Ngọc Quỳnh Chi, sinh ngày 18/3/2015. Chị Huyền không yêu cầu anh Tiến cấp dưỡng nuôi con.

Buộc anh Đinh Nguyễn Nhật Tiến, ông Đinh Văn Tửu và bà Nguyễn Thị Nga có nghĩa vụ giao cháu Quỳnh Chi cho chị Huyền nuôi dưỡng, giao ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom, chăm sóc con chung không ai được quyền ngăn cản.

- ***Về án phí HNST:***

Chị Nguyễn Thị Thu Huyền phải chịu số tiền 300.000đồng án phí hôn nhân sơ thẩm nhưng chị được trừ vào số tiền tạm ứng 300.000đồng theo biên lai số 34889 ngày 13/2/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chợ Gạo. Như vậy, chị Huyền đã nộp xong.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng ông Tửu kháng cáo kể từ ngày Tòa án tống đạt hoặc niêm yết bản án hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án Dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

Án tuyên và kết thúc cùng ngày./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:
- TAND tỉnh TG;
- VKSND huyện Chợ Gạo;
- C.c. THADS huyện CG ;
- Đương sự (để thi hành);
- UBND xã Anh Thạnh Thủy;.
- Lưu hồ sơ.

Phan Thanh Bình